TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/**2023/HS-ST
Ngày: 28/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể.

2. Ông Nguyễn Danh Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà: Bà Lương thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2023/TLST- HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 6 năm 2023 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 07/2023/TB-TA, ngày 21/6/2023, đối với các bị cáo:

1. **N.M.C,** sinh ngày 25/02/1991 tại huyện Đ.T, tỉnh T.N; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T.T, xã H.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông N.M.Q (đã chết), con bà N.T.L, sinh năm 1970; Vợ: C.T.P, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2012; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. **P.H.Đ,** sinh ngày 21/01/1987 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C.T, xã H.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông P.V.N, sinh năm 1940; con bà Đ.T.M, sinh năm 1942; Vợ: N.T.X, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; Anh chị em ruột: Có 10 người, bị cáo là con thứ 10; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. **L.M.C,** sinh ngày 14/02/1992 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ.B, xã H.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông L.V.L, sinh năm 1966; con bà H.T.H, sinh năm 1970; Vợ: N.T.N, sinh năm 1996; Con: Có 01 con, sinh năm 2019; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/3/2018, Công an huyện S.D xử phạt vi phạm hành chính 350.000đ về hành vi đánh bạc (Quyết định số 113/QĐ-XPVPHC) đã nộp phạt xong ngày 02/4/2018.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. **L.V.B,** sinh ngày 27/3/1983 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ DP An Đinh, TT S.D, huyện S.D, tỉnh T.Q; Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông L.B.Đ (đã chết), con bà Đ.T.H, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **T.M.T,** sinh ngày 07/10/1983 tại huyện Đ.T, tỉnh T.N; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm H.T, xã M.Y, huyện Đ.T, tỉnh T.N; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông T.V.D (đã chết); con bà L.T.H, sinh năm 1953 Vợ: M.T.O, sinh năm 1985; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. **L.N.D**, sinh ngày 20/10/1981 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ DP A.Đ, TT S.D, huyện S.D, tỉnh T.Q; Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam - Chi ủy viên chi bộ đã bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy theo Quyết định số 99-QĐ/UBKTHU, ngày 10/3/2023; Con ông L.N.Q, sinh năm 1952, Con bà N.T.Đ, sinh năm 1958; Vợ: L.T.H, sinh năm 1985; Có 01 con sinh năm 2007; Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/3/2018, Công an huyện S.D xử phạt vi phạm hành chính 350.000đ về hành vi đánh bạc (Quyết định số 114/QĐ-XPVPHC) đã nộp phạt xong ngày 24/4/2018.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/3/2023, tại mỏ đá công ty Lam C1 thuộc tổ dân phố Măng Ngọt, thị trấn S.D, huyện S.D. P.H.Đ, N.M.C, L.V.B, L.M.C ngồi uống nước tại lán bảo vệ mỏ đá công ty Lam C1, thuộc tổ dân phố Măng Ngọt, thị trấn S.D. Sau đó, các đối tượng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 20.000 đồng trở lên. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày, thì T.M.T và L.N.D đến cùng tham gia đánh bạc.

Hình thức chơi: Đánh liêng, các đối tượng sử dụng bộ tú lơ khơ 52 quân bài, chia cho mỗi người chơi 03 lá bài ngẫu nhiên, sau đó tất cả mở bài để chọn "Cái", ai cao điểm nhất được làm "Cái" (được quyền đi đầu tiên). Từ ván bạc tiếp theo ai thắng sẽ là "Cái". Sau đó người làm "Cái" chia bài cho mỗi người 03 lá bài ngẫu nhiên. Khi chia bài xong mỗi người chơi đặt cược 20.000 đồng (góp gà), sau khi đặt cược (góp gà) xong, người chơi xem bài rồi có lựa chọn như sau:

- Úp bài: Nếu thấy bài yếu không thắng được thì bỏ bài, không tham gia ván bạc đó, chịu thua 20.000đồng tiền cược.
- Theo: Đặt cược tiền bằng với người trước (cửa trên) cược.
- Tố: Đặt tiền cao hơn người cửa trên đặt cược, mức cao nhất là 200.000đồng.
- Cân: Người ngồi cuối cùng trong ván bạc (tính từ người tố cuối cùng) theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, cược tiền bằng so với tiền người trước cược, sau đó người chơi mở bài để so sánh, bài ai lớn nhất thì thắng toàn bộ tiền cược của ván bạc đó.

Cách so sánh, lớn nhất là Sáp: là bài có 03 lá bài giống nhau, thứ tự sáp từ nhỏ đến lớn là: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, A; Sau đó đến Liêng: là bộ bài có 03 lá bài liên tiếp nhau. Liêng cao nhất là Q, K, A, thấp nhất là A, 2, 3. Khi Liêng bằng nhau thì so sánh chất lá bài thứ tự từ cao xuống thấp Rô, Cơ, Tép, Bích; sau Liêng là Ảnh (Đĩ): lá bài có 03 quân hình đầu người, ảnh cao nhất là Q, K, K. Khi người chơi đều có ảnh thì so sánh lá bài cao nhất, nếu bằng nhau thì so sánh tới chất của bài thứ tự từ cao xuống thấp Rô, Cơ, Tép, Bích; Sau cùng là Điểm: Nếu bài không có Sáp, Liêng, Ảnh (Đĩ) thì cộng tổng điểm của 03 lá bài lại rồi lấy số hàng đơn vị của kết quả để so sánh với nhau, điểm lớn nhất là 9, nhỏ nhất là 0 điểm, các lá bài 10, J, Q, K được tính là 0 điểm, quân A được tính 1 điểm, ai cao điểm hơn tính bài lớn hơn, nếu bằng điểm nhau thì so sánh chất.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện S.D phát hiện lập biên bản kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm. Khi bị phát hiện các đối tượng cất toàn bộ số tiền sử dụng đánh bạc vào túi, đối tượng L.N.D bỏ chạy. Tổ công tác đã thu giữ: 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài; số tiền 14.750.000 đồng, 01 ĐTDĐ OPPO, 01 ĐTDĐ OPPO A96 màu đen, 01 ĐTDĐ IPHONE XSMAX màu đen do các đối tượng tự nguyện giao nộp.

Đến 18 giờ cùng ngày, L.N.D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D đầu thú.

Về số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc được xác định:

1. N.M.C mang đi 4.400.000 đồng, lấy 500.000 đồng ra để đánh bạc, còn cất 3.900.000 đồng trong túi quần bên trái, nếu thua tiếp tục lấy ra để đánh bạc, khi bị

phát hiện thắng 740.000 đồng. Tổng số tiền L.N.D sử dụng đánh bạc và thắng bạc là 5.140.000đồng.

2. P.H.Đ có 480.000 đồng sử dụng đánh bạc, đến khi cơ quan công an đến kiểm tra thắng 210.000 đồng. Tổng số tiền Đức sử dụng đánh bạc và thắng bạc là 690.000đồng.

3. L.M.C có 1.520.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị phát hiện thắng 50.000 đồng. Tổng số tiền C1 sử dụng đánh bạc và thắng bạc là 1.570.000đồng.

4. L.V.B mang đi 2.600.000 đồng, lấy số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc, còn số tiền 1.200.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi lực lượng công an đến đang thắng 1.400.000 đồng. Tổng số tiền Biển sử dụng đánh bạc và thắng bạc là 2.800.000đồng.

5. T.M.T có 1.800.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị phát hiện thắng 1.550.000 đồng. Tổng số tiền Tuấn sử dụng đánh bạc và thắng bạc là 3.350.000đồng.

6. L.N.D có 200.000 đồng tham gia đánh bạc, thua hết.

Tổng số tiền các đối tượng khai sử dụng đánh bạc và thắng bạc: 13.550.000đồng.

Trong vụ án này có 05 đối tượng khai nhận thắng bạc, chỉ có Dương khai bị thua 200.000 đồng. Số tiền Cơ quan điều tra thu giữ các đối tượng khai dùng để đánh bạc và thắng bạc là 13.550.000 đồng. Số tiền các đối tượng khai dùng để đánh bạc là 9.800.000 đồng. Số tiền Cơ quan điều tra thu giữ lớn hơn số tiền các đối tượng khai sử dụng đánh bạc là 3.750.000 đồng, không chứng minh được của ai nên các đối tượng phải chịu trách nhiệm chung.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo N.M.C, P.H.Đ, T.M.T, L.M.C, L.V.B và L.N.D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 75/CT-VKSSD, ngày 18/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố N.M.C, P.H.Đ, T.M.T, L.M.C, L.V.B và L.N.D về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo N.M.C, P.H.Đ, T.M.T, ,L.M.C, L.V.B và L.N.D phạm tội "*Đánh bạc*".

- Về hình phạt:

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo N.M.C từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo. Thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Các bị cáo T.M.T, L.M.C, L.V.B mỗi bị cáo từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 08 tháng. Hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L.N.D.

Xử phạt: Bị cáo bị cáo P.H.Đ và L.N.D mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ;

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.550.000đồng;

+ Trả lại cho bị cáo L.V.B 1.200.000đồng. Nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo N.M.C, P.H.Đ, T.M.T, L.M.C, L.V.B và L.N.D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội giữa các bị cáo là phù hợp với nhau, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào biên bản kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 50 phút ngày 02/3/2023, tại lán bảo vệ công ty TNHH xây dựng và đầu tư Lam C1, địa chỉ tại Tổ dân phố Măng Ngọt, thị trấn S.D, huyện S.D: P.H.Đ, T.M.T, N.M.C, L.V.B, L.M.C, L.N.D đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc và thắng bạc là 13.550.000đồng.

Cụ thể: N.M.C sử dụng số tiền đánh bạc và thắng bạc là 5.140.000 đồng; P.H.Đ sử dụng số tiền đánh bạc và thắng bạc là 690.000 đồng; L.M.C sử dụng số tiền đánh bạc và thắng bạc là 1.570.000 đồng; L.V.B sử dụng số tiền đánh bạc và

thắng bạc là 2.800.000 đồng; T.M.T sử dụng số tiền đánh bạc và thắng bạc là 3.350.000 đồng; L.N.D sử dụng 200.000 đồng đánh bạc.

Số tiền Cơ quan điều tra thu giữ các bị cáo khai dùng để đánh bạc và thắng bạc là 13.550.000 đồng. Số tiền các bị cáo khai dùng để đánh bạc là 9.800.000 đồng. Số tiền Cơ quan điều tra thu giữ lớn hơn số tiền các bị cáo khai sử dụng đánh bạc là 3.750.000 đồng, không chứng minh được của ai nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố N.M.C, P.H.Đ, T.M.T, L.M.C, L.V.B và L.N.D về tội "*Đánh bạc"* là đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, các bị cáo đã đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền sát phạt nhau. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, xét tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của các bị cáo được đánh giá như sau:

N.M.C, P.H.Đ, L.M.C, L.V.B đến lán bảo vệ mỏ đá Công ty Lam Trường ngồi chơi, uống nước, sau đó cùng rủ nhau chơi bạc ăn tiền. Khi chơi bạc N.M.C có 4.400.000đ, sử dụng 500.000đ để đánh bạc và thắng bạc 740.000 đồng, còn cất 3.900.000 đồng, nếu thua tiếp tục lấy ra để đánh bạc; P.H.Đ có 480.000đ đánh bạc và thắng bạc 210.000 đồng; L.M.C sử dụng số tiền đánh bạc là 1.520.000đ và thắng bạc 50.000 đồng; L.V.B có 2.600.000đ, sử dụng số tiền đánh bạc là 1.400.000đ và thắng bạc là 1.400.000 đồng.

Bị cáo T.M.T và L.N.D là hai bị cáo đến sau. Khi thấy các đối tượng đang đánh bạc ăn tiền các bị cáo không can ngăn mà cũng cũng tham gia chơi một cách tích cực cho đến khi bị bắt. Khi tham gia chơi bạc T.M.T có 1.800.000đ, thắng bạc 1.550.000đ; L.N.D có 200.000 quá trình đánh bị thua hết.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo. Riêng bị cáo Dương được Chủ tịch UBND huyện S.D tặng giấy khen đã có thành tích trong công tác xây dựng phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*", bị cáo có bố đẻ là Lý Ngọc Quang là Thương binh hạng 4/4, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo Dương để có mức án phù hợp.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo N.M.C, T.M.T và L.V.B đánh bạc với số tiền lớn hơn các bị cáo khác (L.N.D có 4.400.000đ, dùng số tiền 500.000đ để đánh bạc và thắng bạc 740.000đ, còn cất 3.900.000 đồng, nếu thua tiếp tục lấy ra để đánh bạc; T.M.T có 1.800.000đ, thắng bạc 1.550.000đ; Biển có 1.400.000đ, thắng bạc 1.400.000đ). Nên các bị cáo phải chịu mức án cao hơn các bị cáo Đức và Dương.

Đối với các bị cáo L.M.C và L.N.D về nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPHC, 114/QĐ-XPHC ngày 29/3/2018, Công an huyện S.D xử phạt vi phạm hành chính đối với L.M.C và L.N.D 350.000đ về hành vi đánh bạc. Các bị cáo nộp phạt ngày 02/4/2018 và ngày 24/4/2018. Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"...người bị xử phạt vi phạm hành chính mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 6 tháng"*. Do vậy cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi, hai bị cáo L.M.C và L.N.D được coi là chưa bị xử phạt hành chính.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo N.M.C, T.M.T và L.V.B, P.H.Đ, L.M.C và L.N.D, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng, đánh bạc với số tiền không lớn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo N.M.C, T.M.T, L.V.B, L.M.C được hưởng án treo; bị cáo P.H.Đ, L.N.D được cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Do điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn, bị cáo L.N.D thuộc hộ cận nghèo không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đức và bị cáo Dương.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản gì riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận, xử các bị cáo mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về vật chứng:

Đối với 52 quân bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 13.550.000đồng thu của các đối tượng đánh bạc là tang vật của vụ án cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Số tiền 1.200.000đ thu giữ của bị cáo Biển, là tiền riêng của bị cáo không dùng vào việc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo, nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

[6] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 321, Điều 51; Điều 36; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự, Các Điều 106; Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: **N.M.C, P.H.Đ, T.M.T, L.M.C, L.V.B và L.N.D** phạm tội "*Đánh bạc".*

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo **N.M.C 10** *(mười)* tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách **01 (một) năm 08 (tám) tháng**, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/6/2023.

- Bị cáo **T.M.T 08 (tám)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách **01 (một) năm 04 (bốn)** tháng, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/6/2023.

- Bị cáo **L.V.B 07 (bảy)** tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách **01 (một) năm 02 (hai)** tháng, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/6/2023.

- Bị **Cáo L.M.C 07 (bảy)** tháng tù cho hưởng án treo. Thử thách **01 (một) năm 02 (hai)** tháng hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/6/2023.

Giao bị cáo N.M.C, L.M.C cho Ủy ban nhân dân xã H.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; bị cáo L.V.B cho UBND thị trấn S.D, huyện S.D, tỉnh T.Q; bị cáo T.M.T cho UBND xã M.Y, huyện Đ.T, tỉnh T.N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự*).

1.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L.N.D. Xử phạt:

- Bị cáo **P.H.Đ 08 (tám)** tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo **L.N.D 07 (bảy)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện S.D nhận được quyết định thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đức và Dương trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo P.H.Đ cho Ủy ban nhân dân xã H.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; bị cáo L.N.D cho UBND thị trấn S.D, huyện S.D, tỉnh T.Q giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài lá tú lơ khơ 52 lá bài.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/5/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S.D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã tạm giữ là 13.550.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo L.V.B số tiền 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*). Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

(Số tiền trên hiện đang trong tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S.D).

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

3.1. Về án phí: Các bị cáo N.M.C, P.H.Đ, T.M.T, L.M.C, L.V.B và L.N.D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Ma Quốc Thể - Nguyễn Danh Long	**Hoàng Thị Minh Khánh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.Q;
- VKSND tỉnh T.Q;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Q;
- VKSND huyện S.D;
- Công an huyện S.D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã H.T; TT S.D;
- UBND xã M.Y, H Đ.T.
- Các bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Khánh